

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 887/2023/HC-PT
Ngày: 07/12/2023
V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông
Ông Đặng Đình Lực

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 467/2023/TLPT-HC ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13431/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Trần Ngọc V, sinh năm 1968.

Nơi ĐKKHKT: Số A, Lô G Đ, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng.

Nơi cư trú: Số D T, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng; địa chỉ trụ sở: Thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng; Địa chỉ trụ sở: Thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn V1, Phó chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị T, chị Trần Thị Bích N, anh Trần Vi Ngọc Q.

Cùng nơi ĐKKTT: Số A, lô G Đ, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Số D T, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2022 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Ngày 27/5/2021, UBND huyện T, thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 10243/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M, theo đó thu hồi diện tích đất 848,7m² đất do UBND xã T quản lý mà hộ ông Trần Ngọc V đang quản lý, sử dụng trực tiếp là 200 m².

Theo Quyết định số 10256/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND huyện T về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, cây cối, hoa màu, tài sản, công trình, vật kiến trúc trên đất khi Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M số 04/PA-TCT, tổng số tiền được hỗ trợ, bồi thường đối với gia đình ông là 10.880.698 đồng. Trên thực tế, diện tích đất thu hồi của gia đình ông đã được khai hoang từ năm 1990, đưa vào sử dụng và xây dựng nhà ở từ năm 2003, không có tranh chấp với ai. Tuy nhiên, chính quyền địa phương xác định đất của gia đình ông không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất. Việc đo đạc, kiểm đếm tài sản trên đất và áp giá đền bù chưa đúng, chưa đầy đủ; cá nhân ông không nhận được Quyết định số 10256/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 nêu trên.

Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 11192a/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông là trái luật.

Nhận thấy việc ban hành quyết định thu hồi đất là thiếu cơ sở, sai trình tự; phương án bồi thường không đúng dẫn đến quyết định cưỡng chế vi phạm pháp luật; đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của ông cùng các thành viên trong gia đình. Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 10243/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M;

- Hủy Quyết định số 10256/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Phương án số 04/PA-TCT đi kèm;

- Hủy Quyết định số 11192a/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Hủy Thông báo số 351/TB-UBND ngày 24/6/2022 của UBND huyện T về địa điểm tạm trú để di chuyển chỗ ở, tài sản, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng;

- Hủy Thông báo số 06/TB-BCCTHĐ ngày 27/6/2022 của UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án.

- Cấp xét tái định cư cho gia đình ông và giải quyết các quyền lợi khác theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người bị kiện là UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng có quan điểm:

Diện tích đất của gia đình ông V nằm trong Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 24/6/2016. Ngày 15/9/2016, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 2008/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M. UBND huyện T đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục về việc cưỡng chế, thu hồi đất, hỗ trợ bồi thường liên quan đến hộ ông Trần Ngọc V. Do đó, các yêu cầu khởi kiện của ông V là không có căn cứ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V. Ủy ban nhân dân huyện T chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục về việc thu hồi đất, không thông báo cho người dân bị thu hồi, hộ gia đình ông V không nhận được phương án bồi thường, xác định nguồn gốc đất, loại đất không chính xác. Gia đình ông V khai hoang từ những năm 1990, xây nhà từ năm 2005, sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai nên diện tích đất 200m² do hộ ông V quản lý, sử dụng trực tiếp khi thu hồi đủ điều kiện được bồi thường toàn bộ, cấp tái định cư mà không phải nộp tiền. UBND huyện T tiến hành đo đạc, kiểm đếm khi thu hồi chưa đúng, cắm mốc giới chưa đầy đủ, do đó cần xem xét lại chế độ bồi thường thỏa đáng cho gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T: Thống nhất quan điểm đối với người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Ngọc B và anh Trần Vi Ngọc Q: Không có văn bản ghi ý kiến và không có tài liệu, chứng cứ gửi Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm d khoản 1 Điều 123, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 347, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 62, Điều 69, Điều 75, Điều 76, Điều 79, Điều 83 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 12 và Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác yêu toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V về việc tuyên hủy các Quyết định số 10243/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M; Quyết định số 10256/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Phương án số 04/PA-TCT đi kèm; Quyết định số 11192a/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất (bao gồm Thông báo số 06/TB-BCCTHĐ ngày 27/6/2022 của UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án); xét tái định cư cho gia đình ông và giải quyết các quyền lợi khác theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V về việc tuyên hủy Thông báo số 351/TB-UBND ngày 24/6/2022 của UBND huyện T về địa điểm tạm trú để di chuyển chỗ ở, tài sản, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 02 năm 2003, người khởi kiện ông Trần Ngọc V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị: Căn cứ khoản 6 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, tạm ngừng phiên tòa chờ kết quả của cơ quan có thẩm quyền xử lý; khoản 7 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính làm rõ văn bản trái hiến pháp, chờ ý kiến của Chánh án Tòa án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cung cấp chứng cứ, hình ảnh vệ tinh thời điểm thu hồi đất nêu trên, triệu tập người làm chứng ở thôn, người đi nhờ qua ngõ làm rõ ông V đã sinh sống ổn định năm 1990; căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính chấp nhận yêu cầu khởi kiện; Hủy bản án sơ thẩm hoặc sửa chữa bản án để thực hiện việc giao đất tái định cư cho hộ ông V.

Hủy các Quyết định số 10243/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M;

- Quyết định số 10256/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Phương án số 04/PA-TCT đi kèm;

- Quyết định số 11192a/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất (bao gồm Thông báo số 06/TB-BCCTHĐ ngày 27/6/2022 của UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án);

- Xét tái định cư cho gia đình ông và giải quyết các quyền lợi khác theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Ngọc V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí: Ông Trần Ngọc V phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Trần Ngọc V nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng pháp luật.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự:

Tại phiên tòa người khởi kiện ông Trần Ngọc V; Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng; bà Nguyễn Thị T, chị Trần Thị Bích N, anh Trần Vi Ngọc Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của các đương sự trên không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Trần Ngọc V, thấy:

[2.1]. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định:

Thẩm quyền ban hành Quyết định: Theo quy định tại Điều 66, Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai thì UBND huyện T có thẩm quyền ban hành Quyết định 10243 về việc thu hồi đất và Quyết định 10256 phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ là đúng thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai 2013 thì Chủ tịch UBND huyện T có thẩm quyền ban hành Quyết định

11192a/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất. Như vậy các Quyết định hành chính bị khởi kiện được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Trình tự thủ tục ban hành Quyết định: Thực hiện chủ trương chính sách theo quy định tại Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 24/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M; Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M và Quyết định 2008/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND thành phố về phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M do đó UBND huyện T đã ban hành Quyết định về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thành lập tổ công tác để thực hiện kiểm kê, bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng, hợp công bố chủ trương và niêm yết thông báo thu hồi đất, kiểm kê tài sản, thực hiện lấy ý kiến và giao cho người dân có đất bị thu hồi. UBND huyện T ban hành các Quyết định 10256 và 10243 là đúng trình tự thủ tục theo quy định tại các Điều 66, 69 Luật Đất đai 2013.

Sau khi ban hành Quyết định thu hồi và phê duyệt phương án và thực hiện quy trình bồi thường thu hồi đất, UBND huyện T đã tiến hành tổ chức đối thoại, trả lời kiến nghị đối với các hộ dân trong đó có hộ ông Trần Ngọc V. UBND xã T đã thực hiện tuyên truyền vận động các hộ dân nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng nhưng hộ ông V vẫn không chấp hành; do vậy UBND huyện T ban hành Thông báo số 06 thông báo cưỡng chế thu hồi đất và Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định 11192a/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất là đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai 2013.

[2.2]. Về nội dung các Quyết định hành chính:

Căn cứ nguồn gốc đất bị thu hồi của hộ ông Trần Ngọc V và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

+ Bản đồ địa chính 299: Diện tích đất bị thu hồi của hộ ông V đang sử dụng nằm trong thửa đất số 285 có diện tích 14832,6m² loại đất SON (loại đất sông).

+ Trích lục nguồn gốc đất đai khi thu hồi GPMB thửa 285 do UBND xã T quản lý.

+ Tại công văn số 1920 ngày 22/6/2022 UBND huyện T cũng xác định theo Báo cáo của UBND xã T thì toàn bộ diện tích 848,7m² đất tại thửa 285 tờ bản đồ số 08 có nguồn gốc là đất “Sông” do UBND xã T quản lý, hộ ông V sử dụng 30m² vào mục đích trồng cây.

+ Biên bản kiểm kê đất đai cây cối hoa màu: Trên đất có 02 nhà mái tôn lợp proximăng, và cây cối hoa màu trên diện tích 30m².

+ Tại đơn xin xác nhận nguồn gốc đất: Ông V xác nhận ông sử dụng thửa đất số 285 do vượt lập từ mặt nước mé sông phía sau thửa đất của hộ gia đình bà Lê Thị N1 để lấy mặt bằng sinh sống và sửa chữa tàu thuyền từ năm 1990. Ông cũng không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất, không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên.

Theo quy định tại Điều 163 Luật đất đai 2013: “Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng...”

1. Căn cứ vào mục đích sử dụng chủ yếu đã xác định, đất sông, ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng được quản lý và sử dụng theo quy định sau đây:

a) Nhà nước giao cho tổ chức để quản lý kết hợp sử dụng, khai thác đất có mặt nước chuyên dùng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc phi nông nghiệp kết hợp với nuôi trồng và khai thác thủy sản;

b) Nhà nước cho thuê đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối thu tiền đất hàng năm đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân để nuôi trồng thủy sản;

c) Nhà nước cho thuê đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối thu tiền thuê đất hàng năm đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư thủy sản.”

Như vậy thửa đất 285 là loại đất SON (đất sông) theo quy định do Nhà nước quản lý giao hoặc cho cá nhân tổ chức thuê vào mục đích phi nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, ông V sử dụng thửa đất trên qua việc tự ý vượt lập không được giao hay cho thuê cũng không trả tiền thuê cho Nhà nước, từ các hồ sơ giấy tờ trên thì thửa 285 do UBND xã quản lý.

- Về việc bồi thường hỗ trợ: Do xác định diện tích đất bị thu hồi là đất do UBND xã quản lý nên hộ ông V không được bồi thường về đất khi thu hồi đất. Tại Biên bản kiểm kê đất đai cây cối hoa màu trên đất có 02 nhá mái tôn lợp proximăng và cây cối hoa màu trên diện tích 30m². UBND huyện T đã có phương án hỗ trợ đối với tài sản trên đất cụ thể: Cây cối hoa màu là 4.628.000đ và vật kiến trúc là 6.252.698đ là đã đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông V, việc ông yêu cầu được bồi thường về đất là không có căn cứ xem xét.

[2.2.3] Từ các phân tích nêu trên thấy rằng các Quyết định số 10243/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M; Hủy Quyết định số 10526/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Phương án số 04/PA-TCT đi kèm; Thông báo số 06/TB-BCCTHĐ ngày 27/6/2022 của UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất thực hiện Dự án; Cấp xét tái định cư cho gia đình ông và giải quyền lợi khác là có căn cứ pháp luật. Do đó, không căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, cũng như ý kiến của người đại diện theo ủy quyền cho người khởi kiện.

[3] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính đề nghị bác kháng cáo của ông Trần Ngọc V; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật.

[4] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của ông Trần Ngọc V không được chấp nhận nên phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Ngọc V và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 10 tháng 2 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2]. Về án phí: Ông Trần Ngọc V phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận ông V đã nộp đủ số tiền án phí hành chính phúc thẩm tại Biên lai số 0006651 ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

[3] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HSVA, HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà